

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của bà Võ Thị Hồng N và ông Dương Duy K;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản ngày 12 tháng 11 năm 2024 của bà Võ Thị Hồng N.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 10 tháng 12 năm 2024 về thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp giữa các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Bà Võ Thị Hồng N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khóm D, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

Người bị kiện: Cháu Dương Tường Duy L, sinh năm 2018, là người thừa kế của bà Lê Thị N1 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của cháu Dương Tường Duy L: Ông Dương Duy K, sinh năm 1989 (cha ruột)

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 10 tháng 12 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 10 tháng 12 năm 2024, cụ thể như sau:

Ông Dương Duy K là người đại diện hợp pháp của cháu Dương Tường Duy L (người thừa kế tài sản của bà Lê Thị N1) đồng ý trả cho cho bà Võ Thị

Hồng N số tiền bà Lê Thị N1 (chết) còn nợ là 1.499.999.999 đồng trong phạm vi giá trị tài sản bà Lê Thị N1 chết để lại gồm:

- Quyền sử dụng đất thửa 893, tờ bản đồ số 7, diện tích 156,3 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại Khóm C, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 132174 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 16/3/2018 cho bà Lê Thị N1 đứng tên.

- Quyền sử dụng đất thửa 852, tờ bản đồ số 7, diện tích 36,6 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại Khóm C, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 132175 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 16/3/2018 cho bà Lê Thị N1 đứng tên.

- Quyền sử dụng đất thửa 892, tờ bản đồ số 7, diện tích 169,2 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại Khóm C, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 132176 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 16/3/2018 cho bà Lê Thị N1 đứng tên.

- Quyền sử dụng đất thửa 398, tờ bản đồ số 7, diện tích 97,4 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại Khóm C, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 132177 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 16/3/2018 cho bà Lê Thị N1 đứng tên.

- Quyền sử dụng đất thửa 1018, tờ bản đồ số 7, diện tích 46,8m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại Khóm C, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 186574 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 10/5/2018 cho bà Lê Thị N1 đứng tên.

- Quyền sử dụng đất thửa 962, tờ bản đồ số 7, diện tích 464,3 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại Khóm C, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 012682 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 08/6/2018 cho bà Lê Thị N1 đứng tên.

- Quyền sử dụng đất thửa 76, tờ bản đồ số 7, diện tích 357,9 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại Khóm C, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 410383 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 24/10/2019 cho bà Lê Thị N1 đứng tên.

- Quyền sử dụng đất thửa 853, tờ bản đồ số 7, diện tích 45,3 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại Khóm C, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 416217 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 07/01/2019 cho bà Lê Thị N1 đứng tên.

- Quyền sử dụng đất thửa 397, tờ bản đồ số 7, diện tích 242,0m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại Khóm C, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 416218 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 07/01/2019 cho bà Lê Thị N1 đứng tên.

- Tài sản gắn liền với đất trên 09 thửa đất nêu trên gồm:

+ 01 Hàng rào: móng, cột, dầm bê tông cốt thép, tường xây gạch, trát vữa; diện tích:  $(38,85\text{m} \times 3,20\text{m}) \times 2 = 248,96 \text{ m}^2$ .

+ 01 Nền gạch men (có xây bó nền); diện tích:  $7,34\text{m} \times 5,05\text{m} = 37,07 \text{ m}^2$ ;

+ 01 Nhà xưởng sản xuất, khẩu độ  $\leq 12\text{m}$ , không có cầu trục: móng cột bê tông cốt thép, kèo bê tông cốt thép, tường xây gạch, trát vữa, quét vôi hoàn thiện, lắp dựng cửa đi, cửa sổ khung sắt kính, nền gạch men, mái tole, có trần thạch cao; diện tích:  $(24,1\text{m} \times 16,02\text{m}) + (20,17\text{m} \times 22,82\text{m}) + (11,07\text{m} \times 12,20\text{m}) = 981,42 \text{ m}^2$ .

+ 01 Nhà xưởng sản xuất 1 tầng, khẩu độ  $\leq 12\text{m}$ , cao  $\leq 6\text{m}$ , không có cầu trục: móng, cột kèo bê tông cốt thép, nền bê tông cốt thép, tường gạch, mái tole; diện tích:  $11,25\text{m} \times 18,02\text{m} = 202,73 \text{ m}^2$

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bà Võ Thị Hồng N và ông Dương Duy K thống nhất bà Lê Thị N1 không còn khoản nợ nào đối với bà Võ Thị Hồng N.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- Chi cục THADS thị xã Duyên Hải;
- Lưu TA.

**THẨM PHÁN**

**Dương Tấn Thanh**